

Số: 91/NQ-HĐND

Phong Thổ, ngày 18 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2022
để thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất
nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân
sách địa phương và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân huyện về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án phát
triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa tập trung
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phong Thổ;*

*Xét Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa
phương năm 2022 để thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản
xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung năm 2022 và Báo cáo thẩm tra số
731/BC-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng
nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung năm 2022 với tổng số vốn 9.441 triệu đồng, bao gồm:

1. Kế hoạch vốn thực hiện Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 9.073 triệu đồng, phân bổ cho 05 dự án.

2. Kế hoạch vốn thực hiện Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: 368 triệu đồng, phân bổ cho 02 dự án.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)



Điều 2. Hội đồng nhân dân giao:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh
- Sở KH&ĐT
- Sở Tài chính
- TT. Huyện ủy
- TT. HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

} b/c;

CHỦ TỊCH**Sùng A Nủ**



THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG THIẾT YẾU CÁC KHU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP, HÀNG HÓA TẬP TRUNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ phê duyệt	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Tổng số Trong đó: NSĐP		
	Tổng cộng				79.501	79.375	9.441		
A	Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung				76.401	76.275	9.073		
1	Đường giao thông vùng chè xã Nậm Xe, Sin Suối Hồ	Xã Nậm Xe, Xã Sin Suối Hồ	GTNT C, L = 32,5km	2022-2024	49.132	49.100	5.841		
2	Đường giao thông vùng chè xã Hoang Thèn	Xã Hoang Thèn	GTNT C, L = 3.0098km	2022-2024	4.650	4.650	553		
3	Đường giao thông vùng chè xã Lán Nhi Thành	Xã Lán Nhi Thành	GTNT C, L = 6km	2022-2024	9.300	9.300	1.106		
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi xã Bàn Lang	Xã Bàn Lang	Đảm bảo nước tưới cho 22ha	2022-2024	4.794	4.700	559		
5	Đường giao thông vùng lúa xã Nậm Xe, Bàn Lang	Xã Nậm Xe, Xã Bàn Lang	GTNT C, L = 4,23185km	2022-2024	8.525	8.525	1.014		
B	Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030				3.100	3.100	368		
1	Đường giao thông vùng quê xã Không Lào, Huổi Luông (đã trồng)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C; L = 1km	2022-2024	1.550	1.550	184		
2	Đường giao thông vùng quê xã Không Lào, Huổi Luông (trồng mới)	Xã Không Lào, Huổi Luông	Trục chính, GTNT C; L = 1km	2022-2024	1.550	1.550	184		

88